

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN THỊ HỒNG TRINH

**MỐI QUAN HỆ GIỮA MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
VÀ MIỄN HÌNH PHẠT**

Chuyên ngành: Luật hình sự

Mã số: 60 38 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Phạm Mạnh Hùng

HÀ NỘI – 2012

Công trình được hoàn thành tại

Khoa luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: TS. Phạm Mạnh Hùng

Phản biện 1:

.....
.....
.....
.....

Phản biện 2:

.....
.....
.....
.....

**Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sỹ
họp tại Khoa luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

Vào hồi:..... giờ..... ngày..... tháng.....năm

MỤC LỤC

	Trang
Danh mục các bảng.....	1
Danh mục các biểu đồ.....	2
MỞ ĐẦU	3
Chương 1. Một số vấn đề chung về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt.....	9
1.1. Khái niệm, đặc điểm của miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt.....	9
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của miễn trách nhiệm hình sự và phân biệt miễn trách nhiệm hình sự với một số khái niệm khác.....	9
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của miễn hình phạt và phân biệt miễn hình phạt với một số khái niệm khác.....	16
1.2. Các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt.....	20
1.2.1. Giai đoạn trước năm 1945.....	20
1.2.2. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985	28
1.2.3. Giai đoạn từ năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999.....	29
1.3. Quy định của pháp luật hình sự một số nước về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt.....	32
1.3.1. Pháp luật hình sự Nhật Bản.....	33

1.3.2. Pháp luật hình sự Liên Bang Nga..... 34

1.3.3. Pháp luật hình sự Thụy Điển..... 38

Chương 2. Mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt theo Bộ luật hình sự năm 1999 và thực trạng giải quyết mối quan hệ này ở nước ta trong những năm gần đây..... 41

2.1. Mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt theo Bộ luật hình sự năm 1999..... 41

2.2. Các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt..... 53

2.2.1. Các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999..... 53

2.2.2. Các trường hợp miễn hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999..... 65

2.3. Thực trạng giải quyết mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2010..... 68

2.3.1. Tình hình áp dụng miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt..... 68

2.3.2. Những tồn tại của việc giải quyết mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong thực tiễn áp dụng pháp luật của nước ta..... 76

2.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại trong việc giải quyết mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong thực tiễn áp dụng pháp luật của 80

nước ta.....

Chương 3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong thực tiễn.....	85
3.1. Hoàn thiện pháp luật.....	85
3.1.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự...	85
3.1.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự.....	91
3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, pháp luật hình sự về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt nói riêng.....	93
3.3. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, bản lĩnh nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của cán bộ các cơ quan tư pháp.....	94
3.4. Tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt.....	97
3.5. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp.....	98
KẾT LUẬN.....	100
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	104

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bất kỳ một nhà nước pháp quyền đích thực nào, các quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực tư pháp hình sự nói chung và các quy định của pháp luật hình sự nói riêng bên cạnh việc nhằm mục đích đấu tranh phòng và chống tội phạm còn phải thực hiện tốt nguyên tắc nhân đạo. Là những chế định quan trọng của luật hình sự Việt Nam, miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt không chỉ thể hiện chính sách phân hóa trách nhiệm hình sự mà còn phản ánh rõ nét nhất nguyên tắc nhân đạo của Nhà nước ta đối với người phạm tội.

Cho đến nay đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu, các bài viết về chế định miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt; tuy nhiên, trong khoa học luật hình sự khi đề cập đến hai chế định này vẫn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau cũng như còn nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ. Đặc biệt các công trình này mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu từng chế định riêng lẻ mà việc khái quát mối quan hệ giữa chúng chưa được quan tâm nghiên cứu một cách sâu sắc, đầy đủ, có hệ thống và toàn diện. Vì vậy, giải quyết tốt mối quan hệ này là tạo điều kiện để áp dụng đúng đắn và chính xác các quy định của hai chế định này

Như vậy, việc tiếp tục nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện, có hệ thống mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt; đồng thời đánh giá việc áp dụng hai chế định này trong thực tiễn để đưa ra những kiến giải lập pháp nhằm hoàn thiện

chúng trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và công cuộc cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay không chỉ có ý nghĩa lý luận – thực tiễn quan trọng mà còn là vấn đề mang tính cấp thiết. Đó là lý do mà tôi chọn đề tài: **“Mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt”** để làm luận văn thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu.

Miễn trách nhiệm hình sự cũng như miễn hình phạt đều là những vấn đề cơ bản, phong phú và phức tạp của luật hình sự nên từ trước đến nay luôn được các nhà luật hình sự trên thế giới và trong nước quan tâm.

3. Mục đích, đối tượng, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt; thực trạng giải quyết mối quan hệ miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong những năm gần đây (từ năm 2005 đến năm 2009) để từ đó có thể đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với hai chế định quan trọng này trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự đảm bảo xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt mà cụ thể là một số vấn đề chung về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt; mối quan hệ

giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam cũng như một số nước trên thế giới; thực trạng giải quyết mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong những năm gần đây (từ năm 2005 đến năm 2009); một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng miễn trách nhiệm áp dụng miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt.

3.3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn tập trung vào giải quyết những vấn đề sau:

Về mặt lý luận: trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề về chế định miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt; luận văn tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

Về thực tiễn: nghiên cứu và đánh giá tình hình áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt; những kết quả cũng như các tồn tại trong việc giải quyết mối quan hệ miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong thực tiễn áp dụng pháp luật nước ta; nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế. Qua đó có thể nhận thức một cách sâu sắc, toàn diện về mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt, cũng như nâng cao hiệu quả của hoạt động vận dụng lý luận vào thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự.

3.5. Phạm vi nghiên cứu:

* Phạm vi về nội dung: Luận văn nghiên cứu mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt dưới góc độ của

luật hình sự. Đồng thời, cũng đề cập đến một số quy phạm của luật tố tụng hình sự nhằm giải quyết nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.

* Phạm vi về thời gian: Luận văn nghiên cứu về thực trạng giải quyết mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2010

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn đặc biệt chú trọng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp hệ thống, lịch sử, lôgic, phân tích, so sánh, tổng hợp để chọn lọc kinh nghiệm thực tiễn, tri thức khoa học trong và ngoài nước.

5. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và điểm mới về khoa học của luận văn

Về mặt lý luận: đây là công trình nghiên cứu chuyên khảo, đồng bộ đầu tiên đề cập một cách sâu sắc về mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt ở cấp độ luận văn thạc sỹ luật học.

Về mặt thực tiễn: luận văn góp phần vào việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ của hai chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam: miễn trách nhiệm hình sự - miễn hình phạt;

Điểm mới khoa học của luận văn: trong một chừng mực nhất định có thể khẳng định đây là công trình nghiên cứu chuyên khảo, đồng bộ đầu tiên ở cấp độ luận văn thạc sỹ đề cập tới mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt. Bên cạnh đó, tác giả luận văn còn chỉ ra những vướng mắc, tồn tại trong về mặt kỹ

thuật lập pháp cũng như thực tiễn áp dụng để từ đó có thể đưa ra những kiến giải nhằm hoàn thiện những thiếu sót.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bố cục gồm ba chương.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ

MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ MIỄN HÌNH PHẠT

1.1. Khái niệm, đặc điểm của miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của miễn trách nhiệm hình sự và phân biệt miễn trách nhiệm hình sự với một số khái niệm khác.

* Khái niệm: miễn trách nhiệm hình sự là một chế định nhân đạo của Luật hình sự do cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền tùy thuộc vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng áp dụng và nhằm hủy bỏ hậu quả pháp lý hình sự của việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho bị Luật hình sự cấm đối với người bị coi là có lỗi trong việc thực hiện hành vi đó.

* Đặc điểm của miễn trách nhiệm hình sự:

- *Đặc điểm thứ nhất*, miễn trách nhiệm hình sự là chế định phản ánh rõ nét nhất nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và của pháp luật hình sự nói riêng

- *Đặc điểm thứ hai*, miễn trách nhiệm hình sự chỉ có thể được đặt ra đối với người mà hành vi của họ thỏa mãn các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong phần tội

phạm Bộ luật hình sự, đồng thời họ lại có những căn cứ và những điều kiện do luật định để không phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm đó.

- *Đặc điểm thứ ba*, người được miễn trách nhiệm hình sự mặc dù không phải gánh chịu các hậu quả pháp lý hình sự của hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện nhưng họ vẫn có thể phải chịu một hoặc nhiều biện pháp tác động khác về mặt pháp lý thuộc các ngành luật tương ứng khác vào thời điểm trước hoặc sau khi miễn trách nhiệm hình sự.

- *Đặc điểm thứ tư*, đối tượng được áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật hình sự chỉ có thể là cá nhân người phạm tội

- *Đặc điểm thứ năm*, miễn trách nhiệm hình sự chỉ do một cơ quan tư pháp có thẩm quyền nhất định (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án) áp dụng phụ thuộc vào từng giai đoạn tố tụng tương ứng cụ thể khi có đầy đủ các căn cứ có tính chất bắt buộc (hoặc tùy nghi) do pháp luật hình sự quy định.

* So sánh miễn trách nhiệm hình sự với các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của miễn hình phạt và phân biệt miễn hình phạt với một số khái niệm khác.

* Khái niệm: Miễn hình phạt là một chế định nhân đạo của Luật hình sự Việt Nam do Tòa án áp dụng được thể hiện bằng việc miễn áp dụng biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất là hình phạt cho người bị kết án đối với tội phạm mà họ đã thực hiện.

* Đặc điểm của miễn hình phạt:

- *Đặc điểm thứ nhất*: miễn hình phạt là một trong những chế định nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam.

- *Đặc điểm thứ hai*, miễn hình phạt chỉ đặt ra đối với người bị kết án nào mà nếu không đáp ứng đủ những căn cứ và điều kiện nhất định do luật định để được miễn hình phạt thì người đó phải bị Tòa án áp dụng một hình phạt nào đó trên thực tế theo quy định của pháp luật hình sự.

- *Đặc điểm thứ ba*, mặc dù người được miễn hình phạt được miễn áp dụng hình phạt đối với hành vi phạm tội đã thực hiện và người đó đương nhiên được xóa án tích nhưng thực tiễn xét xử cho thấy tùy các tình tiết cụ thể của vụ án người được miễn hình phạt vẫn có thể bị (hoặc không bị) Tòa án áp dụng một hoặc nhiều biện pháp tư pháp do pháp luật hình sự quy định.

- *Đặc điểm thứ tư*: đối tượng được áp dụng chế định miễn hình phạt theo quy định pháp luật hình sự chỉ là cá nhân người phạm.

- *Đặc điểm thứ năm*: miễn hình phạt chỉ do Tòa án áp dụng ở giai đoạn xét xử khi người bị kết án có đầy đủ căn cứ và điều kiện do pháp luật hình sự quy định.

* So sánh miễn hình phạt với hình phạt cảnh cáo và chế định miễn chấp hành hình phạt.

1.2. Các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt

1.2.1. Giai đoạn trước năm 1945

Chế định miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt đã được ghi nhận từ rất sớm trong các bộ luật cổ của nước ta: bộ luật Hình thư, Quốc triều hình luật, Hoàng Việt luật lệ dưới nhiều thuật ngữ khác nhau, đồng thời không có sự khác biệt giữa hai chế định này nhưng đều nhằm phản ánh truyền thống nhân ái, bao dung, độ lượng, vị tha của dân tộc.

1.2.2. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Từ sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước ta đã ban hành một loạt các văn bản pháp luật hình sự trong đó từng bước đã có sự phân biệt giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt.

1.2.3. Giai đoạn từ năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Bộ luật hình sự năm 1985 ghi nhận một số trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt tại cả phần chung và phần tội phạm, đồng thời khẳng định mối quan hệ của hai chế định này thông qua Điều 48 và Điều 247

1.3. Quy định của pháp luật hình sự một số nước về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt

1.3.1. Pháp luật hình sự Nhật Bản

Pháp luật hình sự Nhật Bản không trực tiếp ghi nhận vấn đề trách nhiệm hình sự mà chỉ quy định về những trường hợp được miễn hình phạt

1.3.2. Pháp luật hình sự Liên Bang Nga

Bộ luật hình sự Liên bang Nga quy định khá khoa học về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt khi các nhà lập pháp Nga đã giành hẳn một phần riêng trong đó quy định rõ ràng từng trường hợp miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt. Tuy không đề cập về mối quan hệ giữa hai chế định này như trong Điều 54 của Bộ luật hình sự Việt Nam nhưng thông qua nội dung các điều luật có thể thấy miễn trách nhiệm hình sự trong pháp luật Liên bang Nga cũng thể hiện mức độ khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội hơn so với miễn hình phạt.

1.3.3. Pháp luật hình sự Thụy Điển

Miễn trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Thụy Điển có nội hàm hoàn toàn khác so với quy định của nước ta, và xét về bản chất nó là các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự của pháp luật hình sự Việt Nam. Miễn hình phạt theo pháp luật hình sự Thụy Điển có một số trường hợp có nhiều điểm tương đồng với chế định miễn hình phạt của pháp luật hình sự Việt Nam, song cũng có trường hợp cùng bản chất với các tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự của pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2

MỐI QUAN HỆ GIỮA MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ MIỄN HÌNH PHẠT THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ NÀY Ở NƯỚC TA TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

2.1. Mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt theo Bộ luật hình sự năm 1999

*Miễn trách nhiệm hình sự có mối quan hệ chặt chẽ, mật thiết và thống nhất với miễn trách nhiệm hình sự. Điều này được thể hiện trên các phương diện sau:

- *Thứ nhất*, miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt đều phản ánh chính sách phân hóa tội phạm và người phạm tội cũng như các nguyên tắc nghiêm trị kết hợp với khoan hồng; trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục và cải tạo

- *Thứ hai*, miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt là hai chế định phản ánh rõ nét nhất nguyên tắc nhân đạo

- *Thứ ba*, cơ sở của miễn trách nhiệm hình sự và cơ sở của miễn hình phạt đều xuất phát từ cơ sở của trách nhiệm hình sự.

- *Thứ tư*, đối tượng được áp dụng miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm; đồng thời, họ lại đáp ứng những điều kiện mà pháp luật hình sự quy định tương ứng trong từng trường hợp cụ thể.

- *Thứ năm*, điều kiện áp dụng chế định miễn hình phạt phản ánh điều kiện áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự.

* Miễn trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự không đồng nhất với nhau. Điều này được thể hiện trên các phương diện sau:

- *Thứ nhất*, về mục đích và ý nghĩa áp dụng:

Miễn trách nhiệm hình sự được áp dụng khi không buộc người bị coi là có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm phải chịu *hậu quả pháp lý đối với việc thực*

hiện hành vi đó mà vẫn đảm bảo được yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Miễn hình phạt được áp dụng trong trường hợp khi xét thấy không cần thiết phải áp dụng *biện pháp nghiêm khắc nhất của Nhà nước là hình phạt*, nhưng vẫn cần áp dụng trách nhiệm hình sự.

- *Thứ hai*, căn cứ pháp lý áp dụng:

Miễn trách nhiệm hình sự có năm căn cứ chung (Điều 19, Điều 25, khoản 3 Điều 69) và bốn căn cứ riêng (khoản 3 Điều 80, đoạn 2 khoản 6 Điều 289, khoản 6 Điều 290, khoản 3 Điều 314); miễn hình phạt có một căn cứ chung quy định tại Điều 54 và một căn cứ riêng quy định tại khoản 3 Điều 314.

- *Thứ ba*, chủ thể có thẩm quyền và giai đoạn áp dụng:

Chủ thể có thẩm quyền áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự rộng hơn so chủ thể có thẩm quyền áp dụng chế định miễn hình phạt. Bởi trong khi miễn hình phạt chỉ do Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền quyết định áp dụng ở giai đoạn xét xử thì cả ba cơ quan tiến hành tố tụng là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tương ứng với từng giai đoạn tiến hành tố tụng (điều tra, truy tố, xét xử) áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự.

- *Thứ tư*, đối tượng bị áp dụng:

Đối tượng được miễn hình phạt chỉ có thể là người bị kết án, trong khi đó người được miễn trách nhiệm hình sự có thể là bị can, bị cáo hoặc người bị kết án.

Về nhân thân của người được miễn trách nhiệm hình sự bao giờ cũng tốt hơn so với người được miễn hình phạt hay nói cách

khác người được miễn trách nhiệm hình sự xứng đáng được hưởng mức khoan hồng cao hơn so với người được miễn hình phạt.

- Thứ năm, hậu quả pháp lý của việc áp dụng:

Người được miễn trách nhiệm hình sự không phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm. Như vậy, miễn trách nhiệm hình sự bao hàm cả miễn hình phạt nhưng điều đó không có nghĩa là không có trách nhiệm hình sự bởi người được miễn hình phạt tuy không phải chịu hình phạt nhưng vẫn có thể bị áp dụng các biện pháp tư pháp khác được quy định tại các Điều 41- 43 Bộ luật hình sự năm 1999.

2.2. Các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt

2.2.1. Các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999:

- Thứ nhất, miễn trách nhiệm hình sự do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Điều 19).

- Thứ hai, miễn trách nhiệm hình sự do sự chuyển biến của tình hình (khoản 1 Điều 25).

- Thứ ba, miễn trách nhiệm hình sự do sự ăn năn, hối cải (Khoản 2 Điều 25).

- Thứ tư, miễn trách nhiệm hình sự khi có quyết định đại xá (khoản 3 Điều 25).

- Thứ năm, miễn trách nhiệm hình sự cho người chưa thành niên phạm tội (khoản 2 Điều 69).

- Thứ sáu, miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội gián điệp (khoản 3 Điều 80).

- Thứ bảy, miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội nhận hối lộ (đoạn 2 khoản 6 Điều 289).

- Thứ tám, miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội môi giới hối lộ (khoản 6 Điều 290)

- Thứ chín, miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội không tố giác tội phạm (khoản 3 Điều 314).

2.2.2. Các trường hợp miễn hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999:

- Thứ nhất: miễn hình phạt cho người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ (Điều 54).

- Thứ hai: miễn hình phạt cho người chưa thành niên phạm tội (Khoản 4 Điều 69).

- Thứ ba, miễn hình phạt cho người không tố giác tội phạm (khoản 3 Điều 314).

2.3. Thực trạng giải quyết mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2010:

2.3.1. Tình hình áp dụng miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt

Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê tội phạm – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao: ở giai đoạn điều tra và truy tố, số bị can mà Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát áp dụng miễn trách nhiệm hình sự trong giai đoạn từ năm 2005 đến 2010 khá cao, đặc biệt là

năm 2009 do việc áp dụng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999 nên số lượng bị can được miễn trách nhiệm hình sự ở hai giai đoạn truy tố tăng lên đáng kể so với năm trước. Nếu xét trên tổng số bị can được miễn trách nhiệm sự thì giai đoạn điều tra và giai đoạn truy tố qua các năm nhìn chung là có sự tương đương nhau. Tuy nhiên, số bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt rất hạn chế. Mặt khác, số bị can, bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt chủ yếu tập trung vào các nhóm tội phạm trị an, sở hữu và kinh tế.

2.3.2. Những tồn tại của việc giải quyết mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong thực tiễn áp dụng pháp luật của nước ta.

- *Thứ nhất*, do pháp luật hình sự hiện hành chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt và hình phạt cảnh cáo nên thực tiễn áp dụng các chế định này còn gặp nhiều vướng mắc, khó khăn.

- *Thứ hai*, nhiều trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng không đánh giá một cách toàn diện về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết của vụ án nên dẫn đến việc áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt tùy tiện, chủ quan.

- *Thứ ba*, một số trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng còn nhầm lẫn khi áp dụng một số chế định có nhiều điểm giống nhau như: giữa miễn hình phạt với miễn chấp hành hình phạt; hoặc giữa

các tinh tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với các căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự...

- *Thứ tư*, một số cơ quan tiến hành tố tụng còn áp dụng nhầm lẫn khi áp dụng căn cứ chế định miễn trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự..

- *Thứ năm*, việc áp dụng chế định miễn hình phạt trong thực tiễn xét xử còn rất hạn chế.

2.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại trong việc giải quyết mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong thực tiễn áp dụng pháp luật của nước ta.

- *Thứ nhất*, các quy định của pháp luật hình sự về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt còn chưa hoàn thiện.

- *Thứ hai*, các quy định của pháp luật tố tụng hình sự có liên quan đến chế định miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt còn thiếu đồng bộ và thống nhất.

- *Thứ ba*, năng lực, trình độ nhận thức, phẩm chất đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức trong ngành Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra còn nhiều hạn chế.

- *Thứ tư*, sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự: Cơ quan điều tra – Viện kiểm sát – Tòa án còn chưa chặt chẽ.

Chương 3.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ MIỄN HÌNH PHẠT TRONG THỰC TIỄN

3.1. Hoàn thiện pháp luật

3.1.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự

* Về việc ghi nhận các quy định của chế định miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt: cần hệ thống các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt thành hai chương riêng biệt, trong đó chương “Miễn hình phạt” được xếp kế tiếp chương “Miễn trách nhiệm hình sự” nhằm thể hiện thứ bậc mức độ nhân đạo của hai chế định này. Trong mỗi chương cần ghi nhận khái niệm pháp lý, hậu quả pháp lý cũng như điều kiện áp dụng từng trường hợp cụ thể.

* Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt:

Thứ nhất, chương “Miễn hình trách nhiệm hình sự” cần hoàn thiện theo hướng:

- Dạng miễn trách nhiệm hình sự do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội quy định tại Điều 19 cần bổ sung thêm trường hợp miễn trách nhiệm hình sự do tự ý nửa chừng chấm dứt việc thực hiện tội phạm của người tổ chức, người giúp sức và người xúi giục trong vụ án có đồng phạm.

- Mặc dù tên gọi của Điều 25 là “miễn trách nhiệm hình sự” nhưng nội dung của điều luật lại bao gồm 3 trường hợp miễn trách nhiệm hình sự riêng biệt, có điều kiện và phạm vi áp dụng khác nhau. Do đó, để đảm bảo tính logic thì nên chăng tách biệt thành ba điều luật riêng tương ứng với từng dạng miễn trách nhiệm hình sự.

- Trường hợp miễn trách nhiệm cho người chưa thành niên phạm tội, với quy định như khoản 3 Điều 69 – Bộ luật hình sự các

nhà làm luật nên sửa đổi nội dung này theo hướng: “... phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hậu quả không lớn...”

- Đối với dạng miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội làm môi giới hối lộ (khoản 6 Điều 290), các nhà làm luật cần bổ sung thêm nội dung “tuy không bị ép buộc” vào điều kiện để miễn trách nhiệm hình sự đối với người phạm làm môi giới hối lộ mới đảm bảo được sự công bằng giữa người có hành vi đưa hối lộ và người có hành vi môi giới hối lộ.

Thứ hai, chương “Miễn hình phạt” cần hoàn thiện theo hướng:

- Đối với trường hợp miễn hình phạt được quy định tại Điều 54, các nhà làm luật nên quy định rõ thế nào được coi là “đáng được hưởng khoan hồng đặc biệt nhưng chưa tới mức được miễn trách nhiệm hình sự”; đồng thời phạm nên giới hạn phạm vi áp dụng miễn hình phạt đối với loại tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng.

Bộ luật hình sự cần ghi nhận chính thức và trực tiếp trường hợp miễn hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội như khoản 4 Điều 69 mà, đồng thời phải làm rõ điều kiện áp dụng của trường hợp: “*xét thấy không phải áp dụng hình phạt*”; đồng thời, chỉ nên hạn chế áp dụng đối với loại tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng.

- Trường hợp người không tố giác tội phạm theo khoản 2 Điều 314 pháp luật hình sự cần ghi nhận rõ khi nào người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự và khi nào người phạm tội được miễn hình phạt, tránh tình trạng cùng một điều kiện nhưng lại có hai khả năng có thể được áp dụng như trong pháp luật hiện hành.

* Bổ sung một số trường hợp miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt

Thứ nhất, chương “Miễn hình trách nhiệm hình sự” cần bổ sung một số trường hợp:

- Miễn trách nhiệm hình sự do sự hòa hoãn của người bị hại và người phạm tội:

- Miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, đáng được khoan hồng đặc biệt:

- Miễn trách nhiệm hình sự do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Miễn trách nhiệm hình sự cho người mất năng lực trách nhiệm hình sự:

Thứ hai, chương “Miễn hình phạt” cần bổ sung một số trường hợp:

- Miễn hình phạt cho người mất năng lực trách nhiệm hình sự:

- Miễn hình phạt cho người phạm tội là phụ nữ đang mang thai và có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

- Miễn hình phạt cho người phạm tội là người già;

- Miễn hình phạt cho người phạm tội bị cố tật nặng đang mắc bệnh hiểm nghèo;

Tuy nhiên để được miễn hình phạt thì các trường hợp trên cần phải thỏa mãn các điều kiện như: tội phạm mà người phạm tội đã

thực hiện phải thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng do vô ý.

3.1.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự

Các nhà làm luật nên sửa đổi quy định khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 169, Điều 181 – Bộ luật tố tụng hình sự là: “*khi có căn cứ miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự*”; theo đó khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 249 – Bộ luật tố tụng hình sự cũng nên được sửa theo hướng: “*khi có căn cứ để bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt trong Bộ luật hình sự*”. Đồng thời, cần quy định rõ đối với trường hợp đại xá tránh tình trạng không thống nhất giữa pháp luật nội dung và pháp luật hình thức.

3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, pháp luật hình sự về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt nói riêng.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; không ngừng nâng cao trình độ dân trí pháp lý, ý thức sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật cho người dân... Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động tư pháp

3.3. Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, bản lĩnh nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của cán bộ các cơ quan tư pháp.

Đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị,

pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa

3.4. Tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt

Xây dựng, hoàn thiện tổ chức, hoạt động của Tòa án nhân dân là trọng tâm. Tổ chức hệ thống tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính; Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án; tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra.

3.5. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan tư pháp.

Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tại các kỳ họp đối với các cơ quan tư pháp sẽ góp phần hạn chế những sai phạm trong quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Mỗi người dân cũng cần phát huy quyền làm chủ của mình đối với các hoạt động tư pháp.

KẾT LUẬN

Với tính chất là các biện pháp tha miễn có tính chất nhân đạo đặc biệt nên pháp luật hình sự của nhiều quốc gia đều ghi nhận về miễn hình phạt và miễn trách nhiệm hình sự nhưng pháp luật giữa các nước có nhiều điểm khác biệt khi quy định về mối quan hệ giữa

hai chế định này. Trong pháp luật hình sự Việt Nam thì hai chế định này được ghi nhận từ rất sớm ngay từ khi ban hành bộ luật hình sự đầu tiên – Bộ luật Hình thư và kế tiếp là Quốc triều hình luật, Hoàng Việt luật lệ... Đặc điểm chung của các Bộ luật này là hai chế định miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt được ghi nhận dưới nhiều thuật ngữ khác nhau và không có sự phân biệt giữa hai chế định này song đây vẫn là những nguồn tư liệu quý giá để xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự sau này. Pháp luật hình sự sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công đã từng bước có sự phân định rõ hơn về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt khẳng định sự tiến bộ về trình độ lập pháp cũng như chính sách phân hóa tội phạm và người phạm tội. Mặt khác, một số quy định về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 còn có những mâu thuẫn khiến cho việc thực thi chúng trong thực tiễn còn nhiều khó khăn, bất cập nên đã không phát huy được hiệu quả, mục đích của các chế định nhân đạo này. Trong quá trình triển khai đề tài, chúng tôi đã có gắng giải quyết một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản của miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt nêu trên, từ đó giải quyết mối quan hệ giữa hai chế định này để làm sáng tỏ những vấn đề còn chưa thống nhất về mặt lý luận, khoa học. Có thể khẳng định giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt có mối liên hệ chặt chẽ, mật thiết song không thể đồng nhất với nhau. Nhận thức đúng về mối quan hệ của hai chế định này có ý nghĩa trọng trọng trong việc sửa đổi, bổ

sung các quy định pháp luật hình sự cũng như việc áp dụng chúng trong thực tiễn.

Qua phân tích số liệu thống kê về tình hình áp dụng miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2010 thì chế định miễn trách nhiệm hình sự được áp dụng rộng rãi và chiếm ưu thế hơn hẳn so với chế định miễn hình phạt; điều này cho thấy mặc dù đều là các biện pháp khoan hồng có tính chất nhân đạo của Nhà nước nhưng chế định miễn hình phạt vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Một thực trạng khác là việc áp dụng hai chế định này còn chưa đúng với quy định của pháp luật do đó vừa không phát huy được ý nghĩa, mục đích của các chính sách hình sự mặt khác lại dẫn đến tình trạng điều tra, truy tố, xét xử oan, sai, bỏ lọt tội phạm, làm giảm hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta trong thời gian qua. Trong bản luận văn này, chúng tôi đã đưa ra một số nguyên nhân của những tồn tại trong việc giải quyết mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong thực tiễn áp dụng pháp luật nước ta; từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt trong thời gian tới. Tuy nhiên, vấn đề mối quan hệ giữa miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt là một vấn đề khá mới và phức tạp nên một số nội dung liên quan không tránh khỏi những quan điểm khác nhau. Chúng tôi hy vọng sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp, chia sẻ để những luận văn được hoàn thiện hơn.